

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Trương Kiều Oanh

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA
NÔNG TRẠI XANH BA VÌ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trương Kiều Oanh
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trương Kiều Oanh Mã SV: 2112401023
Lớp : QT 2501K
Ngành : Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán Nguyên liệu vật liệu trong doanh nghiệp
- Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán Nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác kế toán

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

Địa chỉ -.Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Trương Kiều Oanh

Học hàm, học vị : Sinh viên

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 07 tháng 02 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 15 tháng 05 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trương Kiều Oanh

Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **ThS. Phạm Thị Nga**

Đơn vị công tác: **Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng**

Họ và tên sinh viên: **Trương Kiều Oanh** Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì

Nội dung hướng dẫn:

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....

.....

.....

.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1: Hóa đơn GTGT số 0000150	32
Biểu 2: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu sữa bò TL11	33
Biểu 3: Phiếu nhập kho nguyên vật liệu sữa bò TL11	34
Biểu 4: Hóa đơn GTGT số 0000520	36
Biểu 5: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu đường Sucrose	37
Biểu 6: Phiếu nhập kho số NK1705/005.....	38
Biểu 7: Giấy đề nghị cấp vật tư.....	39
Biểu 8: Phiếu xuất kho số 1702/008	40
Biểu 9: Giấy đề nghị cấp vật tư.....	42
Biểu 10: Phiếu xuất kho 1711/008	43
Biểu 11: Thẻ kho NVL sữa bò TL11	45
Biểu 12: Thẻ kho NVL đường	46
Biểu 13 :Sổ chi tiết NVL sữa bò TL11.....	47
Biểu 14 : Sổ chi tiết NVL đường	48
Biểu 15 : Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn	49
Biểu 16: Sổ Nhật kí chung.....	50
Biểu 17: Sổ cái TK 152.....	52
Biểu 18 : Lập sổ giao nhận chứng từ	56

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp NVL phương pháp kê khai thường xuyên...	11
Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song	13
Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	14
Sơ đồ 1.4 Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư	15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	16
Sơ đồ 1.6: Kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	17
Sơ đồ 1.7: Kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	18
Sơ đồ 1.8: Kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	18
Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì.....	23
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	27
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	28
Sơ đồ 2.4 :Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì	30

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 2.1: Quy trình sản xuất sữa dựa trên công nghệ hiện đại UHT.	21
Hình ảnh 3.1:Phần mềm Kế toán SMART	56
Hình ảnh 3.2: Phần mềm kế toán Fast Accounting	57
Hình ảnh 3.3: Phần mềm MISA SME.NET 2012	57

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	4
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu	4
1.1.1. Khái niệm.....	4
1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu	4
1.1.3. Phân loại	4
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu.....	6
1.2 . Đánh giá nguyên vật liệu	6
1.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	6
1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu nhập kho	7
1.2.3. Đánh giá NVL xuất kho.....	8
1.3. Chứng từ,tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng theo Thông tư 133	10
1.3.1 Chứng từ	10
1.3.2 Sổ sách kế toán	10
1.4. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	12
1.4.1. Phương pháp ghi thẻ song song.....	12
1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	14
1.4.3. Phương pháp sổ sổ dư.....	15
1.5. Các hình thức sổ kế toán	16
1.5.1. Ghi sổ kế toán theo Hình thức Nhật ký chung.....	16
1.5.2. Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	16
1.5.3. Ghi sổ kế toán theo Hình thức Chứng từ - ghi sổ.....	17
1.5.4. Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ	19
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công Ty Cổ Phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì...	19
2.1.1 Khái quát chung về công ty	19
2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty	19
2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty	20

2.1.4. Cơ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	23
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	25
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu tại công ty	29
2.2.1 Kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì	29
Ví dụ minh họa về công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty.....	30
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ...	53
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP Sữa Nông trại xanh Ba Vì.....	53
3.1.1. Ưu điểm	53
3.1.2 Hạn chế	54
3.2. Một số ý kiến và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì.....	55
3.2.1. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì	55
3.2.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì.....	59
KẾT LUẬN	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO	62

LỜI CAM ĐOAN

Kính thưa quý thầy cô,

Tôi xin cam đoan rằng khóa luận "Hoàn thiện công tác kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì" là công trình nghiên cứu do tôi tự thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tôi đã nỗ lực trong suốt quá trình nghiên cứu để đảm bảo khóa luận được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học và đáp ứng được các yêu cầu đề ra.

Tôi xin cam đoan rằng mọi số liệu, kết quả và nhận định được trình bày trong khóa luận này là hoàn toàn trung thực, chính xác và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Trong quá trình thực hiện khóa luận, tôi đã tuân thủ nghiêm ngặt quy định về quyền sở hữu trí tuệ và đạo đức nghiên cứu khoa học.

Tất cả các tài liệu tham khảo, thông tin được trích dẫn trong khóa luận đều được tôi ghi nguồn đầy đủ, rõ ràng theo đúng quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin và số liệu được trình bày trong khóa luận này.

Nếu phát hiện có bất kỳ sai phạm nào liên quan đến nội dung cam đoan trên, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước nhà trường và pháp luật hiện hành.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2025

Người cam đoan

Trương Kiều Oanh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến những người đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ths Phạm Thị Nga , người đã tận tình hướng dẫn, định hướng và cho tôi những lời khuyên quý báu trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý và những buổi trao đổi với thầy/cô đã giúp tôi hoàn thiện nội dung nghiên cứu và nâng cao chất lượng khóa luận.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo và các anh chị đồng nghiệp tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin và hỗ trợ tôi trong quá trình thu thập số liệu phục vụ cho khóa luận.

Xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Quản lí và Công Nghệ Hải Phòng đã trang bị cho tôi những kiến thức chuyên môn quý báu và kỹ năng cần thiết trong suốt quá trình học tập.

Tôi xin gửi lời tri ân đến gia đình, người thân và bạn bè đã luôn bên cạnh, động viên và hỗ trợ tôi trong suốt thời gian qua, đặc biệt trong những lúc khó khăn nhất của quá trình thực hiện khóa luận.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn các bạn đồng môn đã cùng nhau học tập, trao đổi kinh nghiệm và động viên lẫn nhau trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm và thời gian, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các bạn để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2025

Sinh viên thực hiện

Trương Kiều Oanh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh gay gắt, việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh luôn là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp. Để đạt được điều đó, công tác quản lý nguyên vật liệu – một trong những yếu tố đầu vào quan trọng nhất trong quá trình sản xuất – cần được quan tâm đúng mức. Quản lý nguyên vật liệu hiệu quả không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm hao hụt, lãng phí mà còn góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa quá trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa tươi nguyên chất. Với đặc thù ngành hàng đòi hỏi nguyên vật liệu phải luôn đảm bảo về chất lượng, số lượng và thời gian cung ứng, công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đóng vai trò then chốt trong việc duy trì hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác này tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần được nghiên cứu và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tôi quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện công tác nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì” làm khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận nhằm đánh giá thực trạng công tác nguyên vật liệu tại công ty, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xuất phát từ tính cấp thiết của đề tài đã được trình bày ở trên, khóa luận này hướng đến mục tiêu chính là đánh giá một cách toàn diện thực trạng công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu (NLVL) tại Công ty CP Sữa Nông trại xanh Ba Vì. Trên cơ sở đánh giá đó, khóa luận sẽ đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn cao, nhằm mục đích hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kế toán NLVL, qua đó đóng góp vào sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trong bối cảnh thị trường ngày càng biến động.

Để đạt được mục tiêu tổng quát này, khóa luận tập trung vào một số mục tiêu cụ thể và chi tiết hơn. Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến công tác quản lý và tổ

chức nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành chế biến thực phẩm và sữa. Thứ hai, khóa luận sẽ tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng công tác nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì, bao gồm các khía cạnh như: công tác lập kế hoạch, thu mua, bảo quản, sử dụng và kiểm soát nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Thứ ba, khóa luận sẽ xác định những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty, đồng thời làm rõ nguyên nhân dẫn đến những bất cập đó. Cuối cùng, khóa luận cũng sẽ đưa đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, giảm chi phí sản xuất và cải thiện chất lượng sản phẩm.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được những mục tiêu nghiên cứu đã được nêu ra, khóa luận này sẽ tập trung vào việc giải quyết các câu hỏi nghiên cứu quan trọng, nhằm làm rõ từng khía cạnh trong công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu (NLVL) tại Công ty CP Sữa Nông trại xanh Ba Vì. Câu hỏi đầu tiên cần được đặt ra là: công tác kế toán NLVL hiện tại đang được thực hiện như thế nào tại công ty? Điều này bao gồm việc xác định rõ quy trình hạch toán, quản lý và ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến NLVL. Việc hiểu rõ quy trình này không chỉ giúp vạch ra những điểm mạnh mà còn chỉ ra những bất cập, thiếu sót trong cách thức công ty thực hiện hạch toán NLVL, từ đó tạo ra cơ sở cho các giải pháp hoàn thiện.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Để đảm bảo rằng nghiên cứu này có thể đi sâu vào vấn đề và đưa ra những kết luận xác đáng, việc xác định rõ đối tượng và phạm vi nghiên cứu là vô cùng quan trọng. Khóa luận này tập trung vào công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu (NLVL) tại Công ty CP Sữa Nông trại xanh Ba Vì, xem xét quá trình này như một hệ thống phức tạp bao gồm nhiều yếu tố liên kết chặt chẽ với nhau.

Cụ thể, đối tượng nghiên cứu sẽ bao gồm quy trình quản lý NLVL từ giai đoạn lập kế hoạch, thu mua, vận chuyển, nhập kho cho đến quá trình sử dụng trong sản xuất và cuối cùng là kiểm kê, đánh giá, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến NLVL. Bên cạnh đó, hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán mà công ty đang sử dụng cũng sẽ là một phần quan trọng của đối tượng nghiên cứu, bao gồm việc xem xét tính đầy đủ, chính xác và khoa học của các loại chứng từ, sổ sách này. Việc phân tích các phương pháp hạch toán NLVL mà

công ty đang áp dụng, từ phương pháp tính giá đến phương pháp hạch toán chi phí, cũng như cách công ty kiểm kê và đánh giá NLVL, sẽ giúp làm rõ hơn bức tranh về công tác kế toán NLVL tại công ty. Hơn nữa, khóa luận cũng sẽ tập trung vào việc nghiên cứu thông tin kế toán về NLVL, bao gồm các báo cáo và chỉ số được sử dụng để quản lý và đưa ra quyết định liên quan đến NLVL.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện khóa luận “Hoàn thiện công tác nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì”, tác giả đã vận dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau nhằm đảm bảo tính khách quan và khoa học. Trước hết, phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp được sử dụng thông qua việc phỏng vấn trực tiếp các cán bộ phụ trách mua hàng, quản lý kho, kế toán nguyên vật liệu cũng như quan sát thực tế hoạt động tại kho, xưởng sản xuất để có cái nhìn trực quan về quy trình quản lý nguyên vật liệu tại công ty. Bên cạnh đó, tác giả cũng thu thập dữ liệu thứ cấp từ các nguồn nội bộ như báo cáo tài chính, kế hoạch sản xuất, chứng từ nhập – xuất kho và các tài liệu kế toán có liên quan, đồng thời tham khảo thêm các tài liệu chuyên ngành, giáo trình và công trình nghiên cứu trước đó nhằm xây dựng nền tảng lý luận cho đề tài. Dữ liệu thu thập được sẽ được phân tích, tổng hợp để đánh giá thực trạng công tác nguyên vật liệu, xác định những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của các tồn tại. Ngoài ra, phương pháp so sánh cũng được sử dụng để đối chiếu giữa các năm về chi phí, mức tồn kho và hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, qua đó nhận diện xu hướng biến động và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.

6. Nội dung của khóa luận

Báo cáo thực tập này tập trung nghiên cứu và trình bày những nội dung liên quan đến **“ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì”** với mong muốn làm rõ thực trạng vào khóa luận này.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, báo cáo thực tập của tôi gồm 03 chương

- **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU**
- **CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ**
- **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ**

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu

Trong ngành công nghiệp chế biến sữa, việc quản lý hiệu quả nguyên liệu và vật liệu (NLVL) là yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng sản phẩm, kiểm soát chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh. NLVL không chỉ đơn thuần là các thành phần vật chất cấu thành nên sản phẩm sữa mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình quy trình sản xuất, công tác hạch toán kế toán và việc ra quyết định quản lý của doanh nghiệp. Để thực hiện tốt công tác quản lý và kế toán, việc hiểu rõ bản chất của NLVL là vô cùng cần thiết.

1.1.1. Khái niệm

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, nó là một yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được xuất ra, nếu thiếu nó thì quá trình sản xuất kinh doanh không thể thực hiện được. Vật liệu được cung cấp đầy đủ và đạt yêu cầu chất lượng thì khả năng tái sản xuất được mở rộng.

1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu

- Về mặt hiện vật: trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất dưới tác động của lao động chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm.

- Về mặt giá trị: do chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nên giá trị của vật liệu sẽ được tính hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1.1.3. Phân loại

- Vật liệu bao gồm nhiều thứ, nhiều loại, mỗi thứ, mỗi loại có tác dụng khác nhau trong quá trình sản xuất, vì vậy cần phải phân loại vật liệu để phục vụ thông tin cho kế toán và quản lý vật liệu. Có nhiều tiêu thức phân loại nguyên vật liệu nhưng hiện nay cách chủ yếu là phân loại vật liệu theo tác dụng của nó đối với quá trình sản xuất.

- Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp thì nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng NVL chính không giống nhau. Ở doanh nghiệp cơ khí NVL chính là: sắt, thép,...; Doanh nghiệp sản xuất đường NVL chính là cây mía,...Có thể sản phẩm của doanh nghiệp này làm nguyên vật liệu cho doanh nghiệp khác,...Đối với bán thành phẩm mua ngoài với mục đích để tiếp tục gia công chế biến được coi là nguyên vật liệu chính.

- Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu khi sử dụng có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ dụng cụ hoạt động được bình thường như: sơn chống gỉ, giẻ lau, dầu nhờn,...

- Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá

- trình sản xuất kinh doanh như: xăng, dầu, than,...

- Vật tư thay thế: Là các loại phụ tùng chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, và vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý TSCĐ.

- Ngoài ra tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và kế toán chi tiết của doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu trên được chia thành từng nhóm, từng thứ. Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu, là cơ sở để tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Căn cứ vào nguồn hình thành thì nguyên vật liệu được chia làm các nguồn:

- Nguyên vật liệu do mua ngoài
- Nguyên vật liệu tự chế biến
- Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến
- Nguyên vật liệu do nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng,...

- Căn cứ vào mục đích, công dụng của NVL có thể chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán

hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

- Nhượng bán.
- Đôì góp vốn liên doanh.
- Đôì biếu tặng

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá trị vốn (hoặc giá thành) thực tế của NVL nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán NVL. Đồng thời các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về NVL, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng NVL từ đó phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý NVL thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hoạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị NVL thực tế đưa vào sản xuất sản phẩm. Phân bổ chính xác NVL đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu. Từ đó đáp ứng được nhu cầu quản lý thống nhất của nhà nước cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp trong việc tính giá thành thực tế của NVL đã thu mua và nhập kho đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật tư về số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn cung cấp NVL một cách đầy đủ, kịp thời

1.2 . Đánh giá nguyên vật liệu .

1.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

– Nguyên tắc giá gốc: Vì NVL là hàng tồn kho nên theo chuẩn mực 02- hàng tồn kho thì NVL phải được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc.

– Giá gốc của NVL bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua nguyên vật liệu.

- Nguyên tắc thận trọng: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của NVL thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của NVL trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để tiêu thụ chúng.
- Thực hiện nguyên tắc thận trọng bằng cách lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu.
- Kế toán đã ghi sổ theo giá gốc và phản ánh khoản dự phòng giảm giá NVL.
- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng đánh giá NVL phải đảm bảo tính nhất quán, tức là kế toán đã áp dụng phương pháp nào thì nhất quán trong suốt niên độ kế toán đó. Doanh nghiệp có thể thay thế phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời giải quyết được ảnh hưởng của sự thay đổi của nó.

1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu nhập kho

Trong các doanh nghiệp sản xuất, NVL được nhập từ nhiều nguồn khác nhau nên giá thực tế cũng khác nhau. Về nguyên tắc, giá NVL nhập kho được xác định theo giá thực tế bao gồm toàn bộ chi phí hình thành NVL đó cho đến khi nhập kho. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của NVL được xác định cụ thể như sau:

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{Các khoản thuế} \\ \text{Nvliệu} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & - & \text{giảm trừ} & + & \text{không được hoàn lại} \\ \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{phát sinh} & & \text{(nếu có)} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa thuế. Giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì giá mua là giá đã tính thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí thu mua: là các chi phí bốc dỡ, vận chuyển, bảo hiểm,...

Các khoản giảm trừ: là các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại

- **Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:**

Giá thực tế = Giá thực tế NVL xuất + Chi phí gia công

Nhập kho gia công, chế biến chế biến

- **Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:**

Giá thực tế = Giá thực tế vật liệu + Chi phí gia + Chi phí vận

NVL nhập kho gia công, chế biến công chế biến chuyển VL gia công

- **Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh cổ phần**

Giá thực tế = Giá do các bên + Chi phí tiếp nhận

NVL nhập kho tham gia xác định (nếu có)

- **Đối với nguyên vật liệu do nhà nước cấp, cấp trên cấp hoặc được tặng**

Giá thực tế = Giá trị thị trường tương đương + Chi phí tiếp

NVL nhập kho hoặc giá NVL ghi trên biên bản bàn giao nhận (nếu có)

- **Đối với phế liệu thu hồi**

Giá thực tế NVL nhập kho = Giá ước tính

1.2.3. Đánh giá NVL xuất kho

Theo điều 22 thông tư 133/2016/TT-BTC gồm có các phương pháp sau:

– Phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này, vật liệu xuất kho thuộc lô hàng nào thì tính theo đơn giá mua thực tế lô hàng đó. Phương pháp này tính giá thực tế của vật liệu xuất dùng kịp thời, chính xác, đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý, theo dõi chặt chẽ từng lô hàng.

– Phương pháp tính theo đơn giá bình quân gia quyền:

Trị giá NVL xuất kho = Số lượng NVL xuất kho x Đơn giá thực tế BQ

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo 2 phương pháp sau:

- **Phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:**

Đơn giá		Gtri thực tế NVL tồn đầu kỳ + Gtri thực tế NVL trong kỳ
BQ cả kỳ	=	$\frac{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{số lượng NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{số lượng NVL nhập trong kỳ}}$
dự trữ		

Ưu điểm: đơn giản, dễ làm giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết NVL không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

Nhược điểm: Dồn công việc tính giá NVL xuất kho vào cuối tháng nên gây ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá BQ} \\ \text{sau mỗi lần} \\ \text{nhập} \end{array} = \frac{\text{Giá trị thực tế sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính toán được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này thì số lượng NVL nào nhập kho trước thì sẽ được xuất kho trước theo đúng giá nhập kho của NVL đó.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL xuất kho} \\ \text{của từng lần nhập kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá NVL xuất kho} \\ \text{theo từng lần nhập trước} \end{array}$$

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm. Cơ sở của phương pháp này là giá gốc của NVL mua trước sẽ được dùng làm giá để tính vật liệu xuất trước và do vậy giá trị NVL tồn kho đến cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số NVL mua vào sau cùng

Ưu điểm: Đảm bảo tính chính xác, hợp lý cao, được tiến hành thường xuyên.

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi phải tính theo từng danh điểm nên tốn nhiều công sức, chỉ phù hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập xuất ít.

Mỗi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho đều có những ưu, nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ, năng lực nghiệp vụ và trình độ trang bị công cụ tính toán, phương tiện xử lý thông tin của doanh nghiệp. Đồng thời cũng tùy thuộc vào yêu cầu bảo quản, tính phức tạp về chủng loại, quy cách và sự biến động của vật tư, hàng hóa ở doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp cần lựa chọn một phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho phù

hợp. Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

1.3. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng theo Thông tư 133

1.3.1 Chứng từ

- Phiếu xuất kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng

1.3.2 Sổ sách kế toán

- Sổ kế toán chi tiết TK 152 (mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ . (mẫu S10-DN)
- Thẻ kho (mẫu S12-DN)
- Bảng kê nhập, xuất, tồn (nếu có).

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

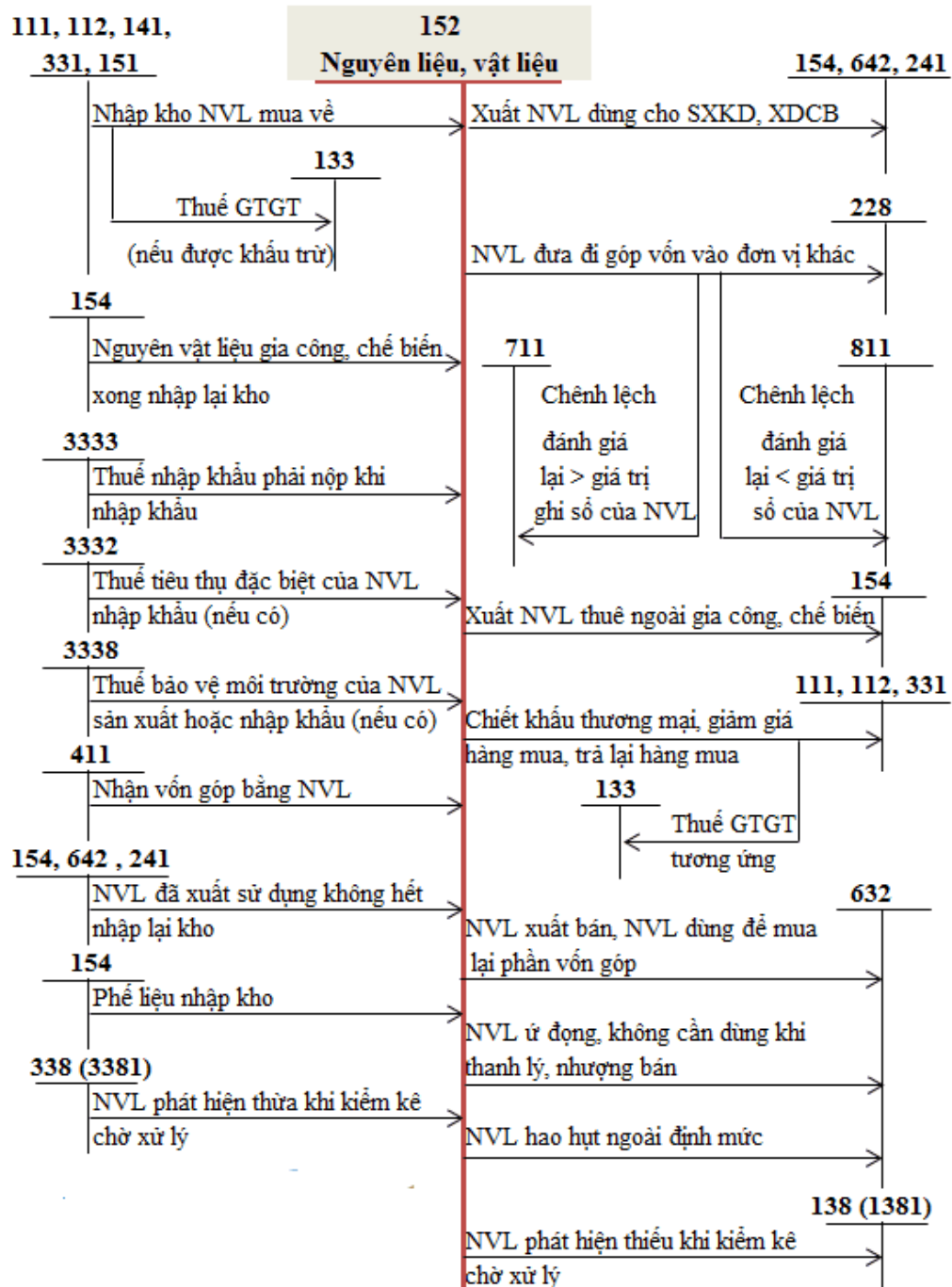
- Bên nợ:

- Giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ.
- Giá trị thực tế của nguyên vật liệu phát hiện thừa khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Bên có:

- Giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ.
- Giá trị thực tế nguyên vật liệu phát hiện thiếu khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Số dư nợ: Giá trị thực tế của nguyên vật liệu còn tồn kho cuối kỳ



Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp NVL phương pháp kê khai thường xuyên

Các tài khoản khác liên quan :

- +) TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- +) TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
- +) TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
- +) TK 331 - Phải trả cho người bán

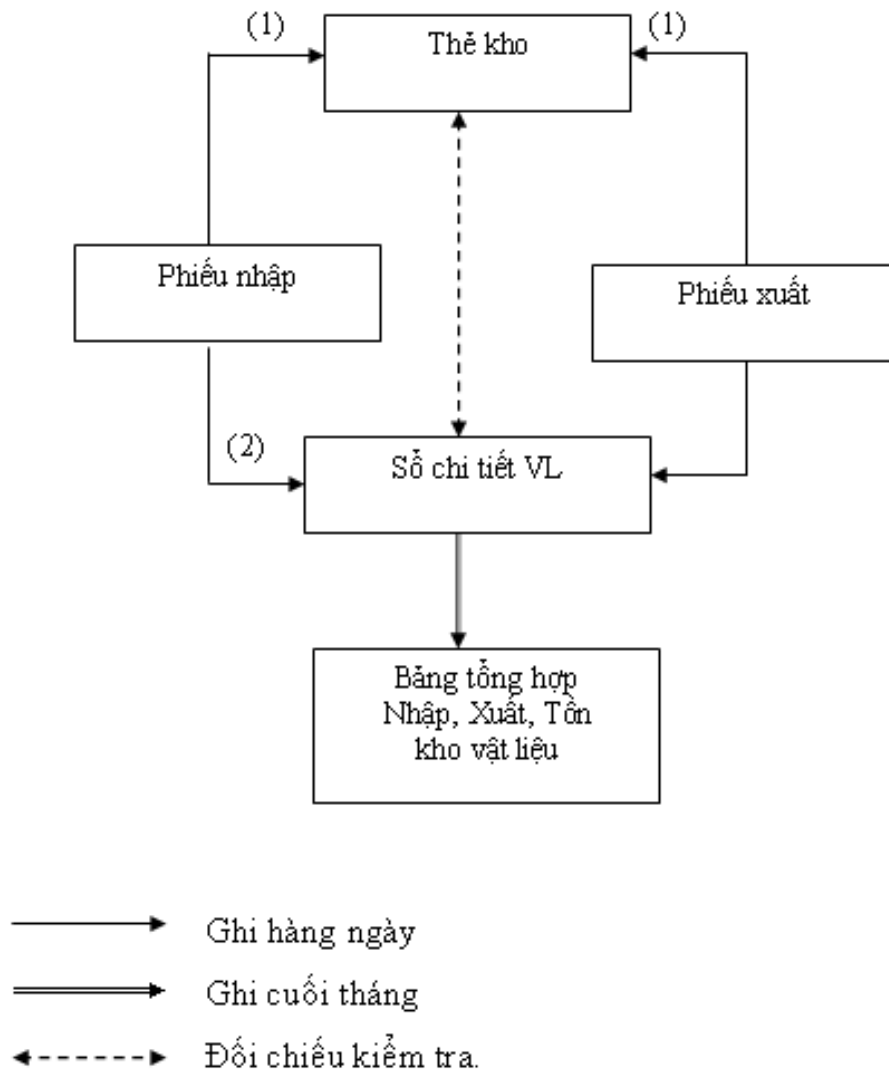
1.4. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.4.1. Phương pháp ghi thẻ song song

– Ở kho: Hàng ngày khi có chứng từ nhập- xuất, thủ kho căn cứ vào số lượng thực nhập, thực xuất trên chứng từ để ghi vào thẻ kho liên quan, mỗi chứng từ ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng NVL, cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt số lượng theo từng NVL. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

– Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu để theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng ngày. Sổ chi tiết được theo dõi cả về mặt hiện vật và giá trị khi nhận được các chứng từ nhập- xuất kho do thủ kho chuyển đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ liên quan như (hóa đơn GTGT, phiếu mua hàng...). Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập - xuất - tồn kho của từng NVL. Số lượng NVL tồn kho phản ánh trên sổ kế toán chi tiết phải được đối chiếu khớp với số tồn kho ghi trên thẻ kho tương ứng. Sau khi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết NVL lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho NVL, số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

*Sơ đồ kế toán chi tiết vật liệu
theo phương pháp thẻ song song*



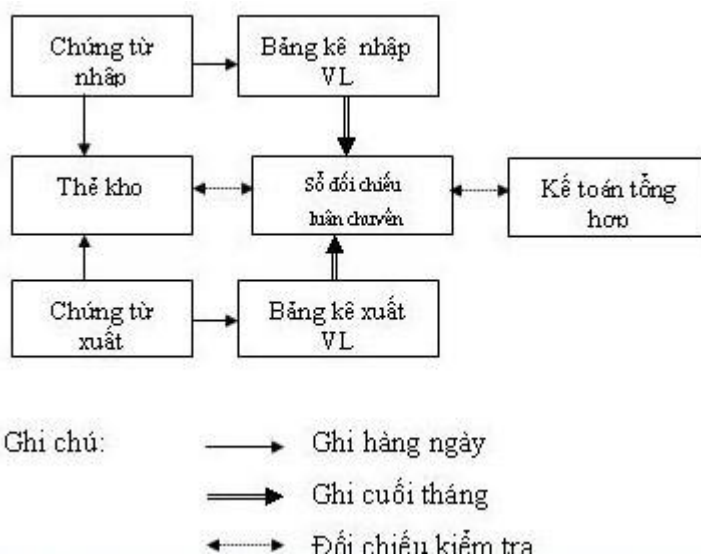
Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song

1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

– Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, số lượng hàng tồn kho nhập xuất tồn.

– Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng "sổ đối chiếu luân chuyển" để ghi chép số lượng và giá trị của hàng tồn kho xuất nhập tồn của từng nguyên vật liệu trong từng kho và chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp số liệu của các chứng từ phát sinh trong tháng. Mỗi nguyên vật liệu được ghi 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển, khi nhận chứng từ kế toán viên cũng tiến hành kiểm tra chứng từ về tính hợp lý, hợp lệ .

Số lượng và giá trị của hàng tồn kho ghi trên sổ đối chiếu luân chuyển được dùng để đối chiếu với số lượng trên các thẻ kho và với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp.

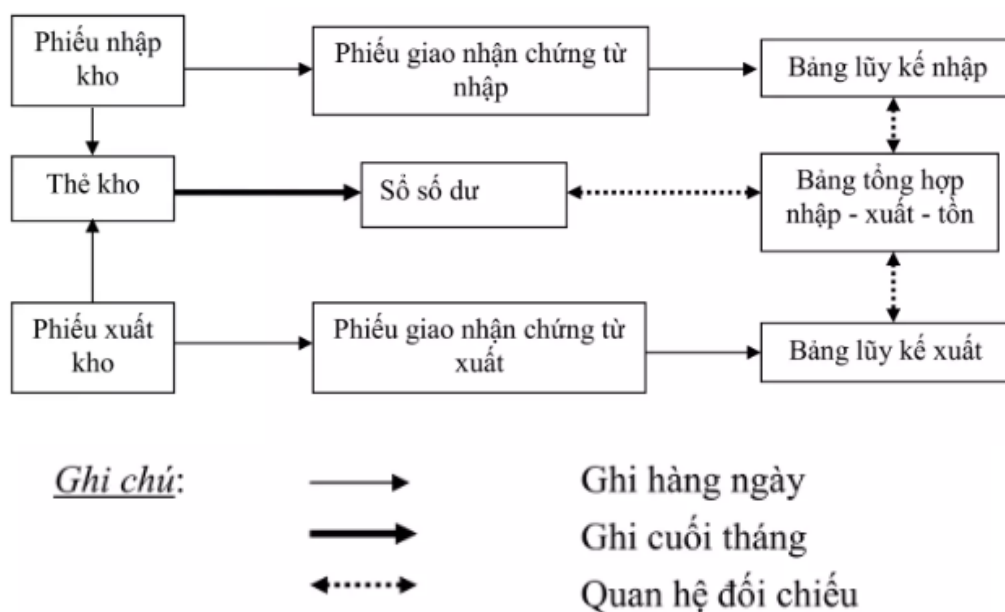


Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.4.3. Phương pháp sổ sổ dư

– Ở kho: Hàng ngày hoặc định kỳ 3 -5 ngày sau khi ghi thẻ xong thủ kho phải tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất kho phát sinh trong ngày hoặc trong kỳ theo từng nhóm nguyên vật liệu qui định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập - xuất. Ngoài ra thủ kho còn phải kê rõ số lượng tồn kho cuối tháng theo từng loại nguyên vật liệu vào sổ sổ dư. Sổ sổ dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, sau khi ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

– Ở phòng kế toán: Khi nhận chứng từ nhập - xuất kế toán kiểm tra và tổng cộng số thành tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu vào bảng lũy kế nhập - xuất - tồn kho. Bảng này mở cho từng kho, sau đó kế toán cộng số tiền nhập - xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng. Số dư này được dùng để đối chiếu số dư trên sổ sổ dư. Sau đó, kế toán ghi chỉ tiêu giá trị vào sổ sổ dư để so sánh chỉ tiêu này trên bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.



Sơ đồ 1.4 Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ sổ dư

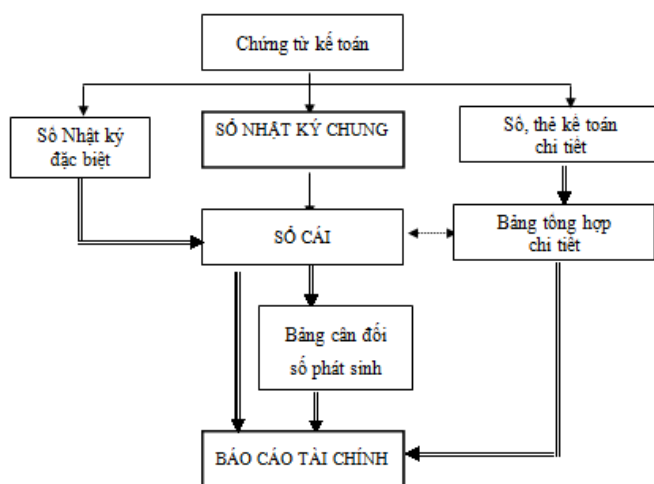
1.5. Các hình thức sổ kế toán

1.5.1. Ghi sổ kế toán theo Hình thức Nhật ký chung

– Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

– Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



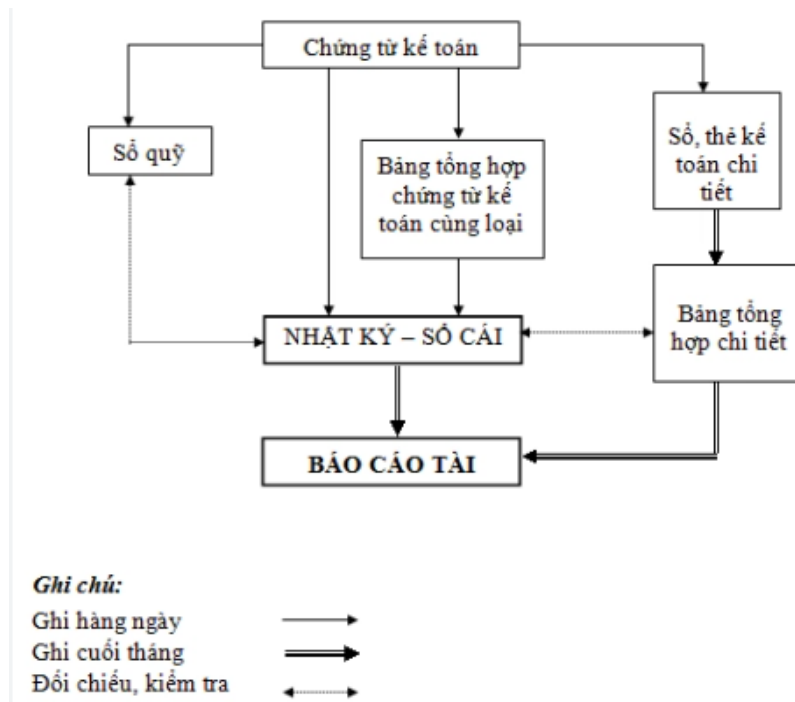
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.5.2. Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

– Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

– Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

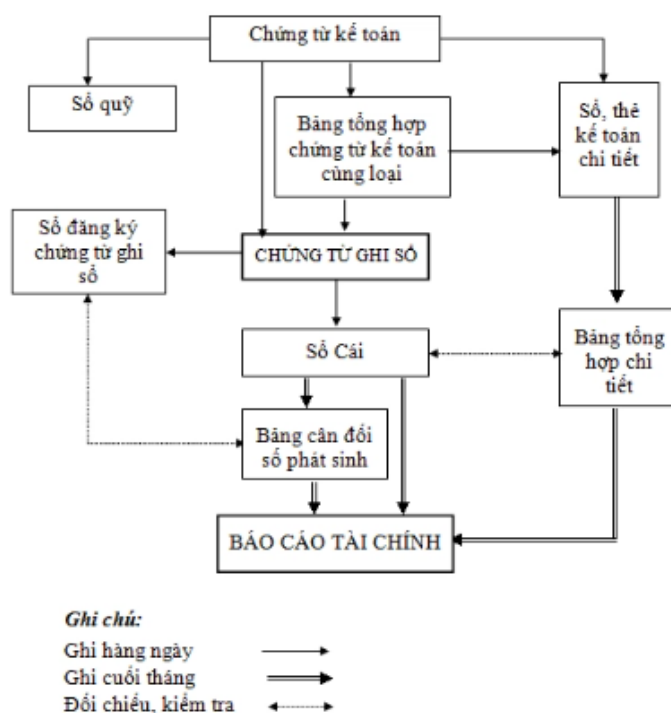
- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.6: Kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

1.5.3. Ghi sổ kế toán theo Hình thức Chứng từ - ghi sổ

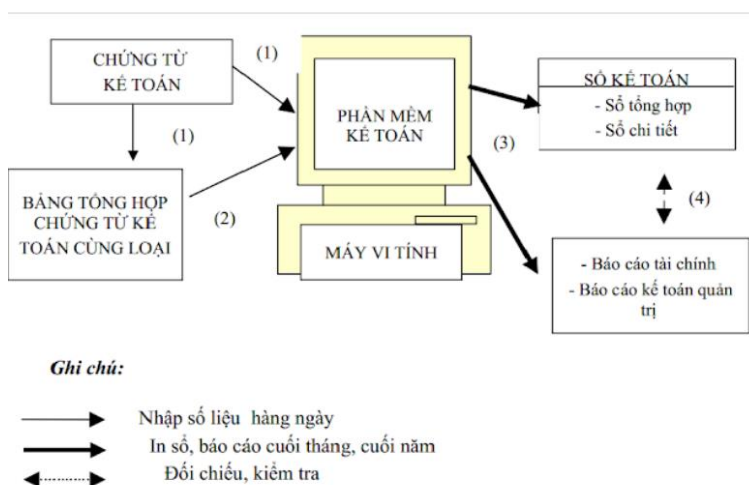
- Đặc trưng cơ bản
 - Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
 - Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
 - Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
 - Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ Cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.7: Kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.5.4. Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

– Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.8: Kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công Ty Cổ Phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì

2.1.1 Khái quát chung về công ty

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì
- Tên Tiếng Anh: Ba Vì Green Dairy Farm Joint Stock Company.
- Địa chỉ trụ sở: Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Nhà máy tại: Thôn Bát Đàm, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
- Mã số thuế: 0107929108
- Người đại diện pháp luật: (ông) Lê Văn Trường
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ Phần
- Điện thoại: 0973 591 388
- Tờ iail: cskh.bavigreenfarm@gmail.com
- Website: bavigreenfarm.com.vn

2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty

Từ thời thuộc Pháp, bò sữa đã được nuôi dưỡng tại đây. Đặc biệt từ những năm 1950, 1960 của thế kỷ trước Ba Vì là cái nôi chăn nuôi bò sữa của cả nước. Hiện nay đàn bò sữa hàng chục nghìn con giống gốc Hà Lan được nuôi dưỡng tập trung trên địa bàn các xã trọng điểm của huyện Ba Vì – Hà Nội.

Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì (Ba Vì Green Dairy Farm Joint Stock Company) được thành lập ngày 20/07/2017, với mục tiêu cung cấp các sản phẩm sữa chất lượng cao từ vùng nguyên liệu sữa nổi tiếng Ba Vì.

Công ty được thành lập tại Hà Nội, với trụ sở chính đặt tại số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông. Nhà máy sản xuất được xây dựng tại thôn Bát Đàm, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, nơi tập trung nguồn nguyên liệu sữa bò tươi nguyên chất. Ngay từ khi thành lập, công ty đã chú trọng vào việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và đầu tư vào dây chuyền sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thương hiệu "Sữa Ba Vì" chính thức được công nhận và trở thành một trong những thương hiệu sữa được người tiêu dùng tin tưởng nhất tại Việt Nam. Công ty tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), với nhiều sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn 3-4 sao. Đã liên tục mở rộng danh mục sản phẩm, bao gồm: sữa tươi thanh trùng, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, bánh sữa, và các sản phẩm khác từ sữa bò tươi. Công ty đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới quy trình sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Thành tựu nổi bật, Công ty được công nhận là một trong những đơn vị tiêu biểu trong ngành sữa tại Việt Nam. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đạt chuẩn quốc tế, đảm bảo các sản phẩm đáp ứng yêu cầu khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt trong việc tạo công ăn việc làm và ổn định thu nhập cho người chăn nuôi bò sữa tại vùng Ba Vì.

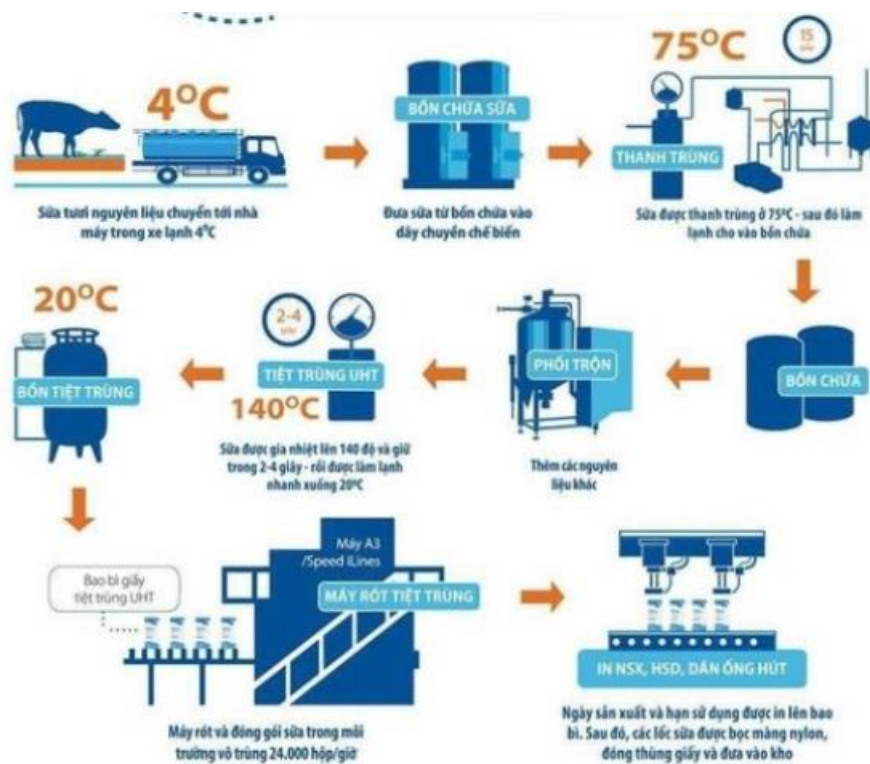
Với sự nỗ lực không ngừng, Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, trở thành một thương hiệu hàng đầu trong ngành công nghiệp sữa, gắn liền với giá trị dinh dưỡng và niềm tin của người tiêu dùng.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1.3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì tập trung vào sản xuất và phân phối các sản phẩm từ sữa, bao gồm sữa tươi thanh trùng, sữa chua, sữa tươi tiệt trùng, và bánh sữa. Trước hết, các sản phẩm này được sản xuất với quy trình hiện đại, đảm bảo chất lượng và giữ vững hương vị tự nhiên, đáp ứng tốt yêu cầu của người tiêu dùng. Tiếp theo, nhờ sự đổi mới không ngừng về công nghệ cũng như chú trọng đến an toàn thực phẩm, sản phẩm của công ty ngày càng được yêu thích trên thị trường. Đặc biệt, các dòng sản phẩm như sữa tươi thanh trùng và sữa chua đã trở thành lựa chọn quen thuộc của nhiều gia đình bởi sự thơm ngon và bổ dưỡng. Không chỉ vậy, công ty còn mở rộng danh mục sản phẩm thông qua việc cung cấp bánh sữa – một sản phẩm mang tính đặc trưng và đậm đà bản sắc vùng Ba Vì. Qua đó, Công ty Sữa Ba Vì không chỉ khẳng định vị thế trong ngành chế biến sữa mà còn góp phần nâng cao giá trị thương hiệu địa phương.

2.1.3.2 Quy trình sản xuất



Hình ảnh 2.1: Quy trình sản xuất sữa dựa trên công nghệ hiện đại UHT.

(Nguồn: bavigreenfarm.com.vn)

Nguồn nguyên liệu: Nguyên liệu sữa được thu mua trực tiếp từ vùng nguyên liệu tại huyện Ba Vì, một khu vực nổi tiếng với chất lượng sữa bò cao cấp.

Dây chuyền sản xuất: Sử dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình sản xuất bao gồm:

- Thu gom và kiểm tra chất lượng sữa đầu vào.
- Tiệt trùng và chế biến theo công nghệ tiên tiến.
- Đóng gói và bảo quản sản phẩm trong điều kiện tối ưu.

Sữa sau khi được vận chuyển đến sẽ được lấy mẫu và mang đi kiểm tra chất lượng. Chỉ những lô sữa đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu được đặt ra mới tiếp tục được chuyển đến khâu chế biến để chế biến, sản xuất sữa thành phẩm.

Làm lạnh và bảo quản sữa bò: Sau khi đã được xét nghiệm, kiểm tra chất lượng và đạt chuẩn. Sữa bò nguyên liệu sẽ được chuyển đi đông đếm thể tích và làm lạnh. Trước khi làm lạnh, trong quá trình lọc phải đun sữa ở mức nhiệt từ 30 – 40 độ C để giảm đi độ

nhớt của sữa. Sau đó, sữa sẽ được làm lạnh ở nhiệt độ từ 2 – 4 độ C ở các bồn inox đạt tiêu chuẩn bảo quản sữa.

Gia nhiệt: Khâu tiếp theo của quy trình sản xuất sữa Vinamilk là gia nhiệt. Đây là quá trình được thực hiện để hỗ trợ cho quá trình ly tâm, làm sạch sữa. Sữa sẽ được gia nhiệt ở nhiệt độ lên đến 40 độ C bằng cách bơm sữa vào những thiết bị trao đổi nhiệt có dạng tấm

Ly tâm để làm sạch sữa nguyên liệu: Sau khi gia nhiệt, sữa sẽ được tiến hành ly tâm làm sạch. Cặn sữa cũng như xác của vi sinh vật đều sẽ được loại bỏ ở khâu ly tâm làm sạch này. Sữa bò sau khi ly tâm sẽ đủ tiêu chuẩn để chuyển đến các khâu chế biến khác.

Phối trộn sữa: Nguồn sữa nguyên liệu sẽ được phối trộn với chất ổn định, lượng chất ổn định sẽ được phân chia theo từng mẻ. Sữa nguyên liệu sẽ được đưa vào bồn trộn với thể tích khoảng 500 – 600 lít và gia nhiệt ở mức nhiệt từ 65 – 70 độ C, sau đó sẽ được giảm xuống mức 40 – 45 độ C để cho đường vào trộn.

Làm lạnh sữa: Sữa sau khi đã được phối trộn xong sẽ được làm lạnh ở mức nhiệt dưới 8 độ C. Sau đó, sữa sẽ được tiêu chuẩn hóa, điều chỉnh hàm lượng của các chất để đảm bảo sau khi hoàn thành, sữa sẽ đạt tiêu chuẩn như đã được công bố trên bao bì.

Đồng hóa sữa và tiệt trùng: Đồng hóa là khâu làm giảm đi kích thước của các cầu mỡ nhằm mục đích tăng khả năng phân tán sữa. Hạn chế tình trạng váng sữa nổi lên bề mặt trong thời gian bảo quản. Sữa cũng được tiến hành tiệt trùng để loại bỏ những vi sinh vật cũng như các bào tử hay các enzym có trong sữa để kéo dài thời gian bảo quản sữa ở nhiệt độ thường và hạn chế sự thay đổi các tính chất của sữa.

Đóng gói: Sau khi sữa đã được tiệt trùng, công đoạn cuối cùng là dây chuyền đóng gói sữa vào hộp, bịch để phân phối ra thị trường. Để quá trình vận chuyển đơn giản, nhanh gọn hơn. Sữa sẽ được sắp xếp và đóng gói vào những chiếc thùng giấy kích thước lớn với số lượng nhất định. Những chiếc thùng giấy chất lượng cũng góp phần bảo quản sữa không bị tác động, va chạm trong suốt quá trình vận chuyển.

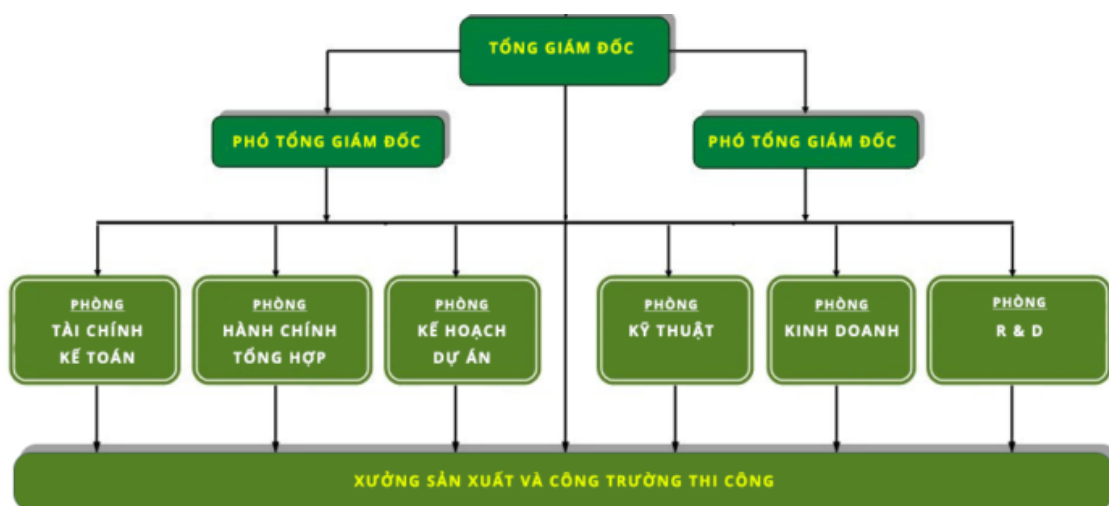
Kiểm soát chất lượng: Mỗi sản phẩm đều được kiểm tra chặt chẽ từ khâu nguyên

liệu đến thành phẩm, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Đặc điểm kinh doanh

- Thị trường mục tiêu: Phân phối sản phẩm chủ yếu tại thị trường nội địa, tập trung vào các khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Hệ thống phân phối gồm các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, đại lý, và bán trực tiếp tại các cửa hàng của công ty.
- Khách hàng: Sản phẩm hướng đến đối tượng gia đình, đặc biệt là trẻ em, người lớn tuổi và những người quan tâm đến sức khỏe.
- Chiến lược kinh doanh: Tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh hoạt động marketing để xây dựng và duy trì thương hiệu "Sữa Ba Vì". Công ty đã hợp tác với các hộ chăn nuôi bò sữa tại địa phương nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định và chất lượng cao.
- Công ty định hướng mở rộng thị trường, không chỉ trong nước mà còn xuất khẩu sản phẩm ra quốc tế. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để cho ra đời các dòng sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì

(Nguồn: bavigreenfarm.com.vn)

Tổng Giám đốc đảm nhiệm vai trò điều hành và quản lý chung toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì. Vị trí này chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị về mọi quyết định và kết quả hoạt động của công ty. Bằng tầm nhìn chiến lược và khả năng quản lý, Tổng Giám đốc đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả, đáp ứng các mục tiêu phát triển.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty theo lĩnh vực và bộ phận được phân công. Ngoài ra, Phó Tổng Giám đốc đảm nhận vai trò thay thế Tổng Giám đốc khi người đứng đầu vắng mặt, đảm bảo sự liên tục trong các hoạt động vận hành.

Phòng Kế toán – Hành chính là bộ phận hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc tổ chức bộ máy tài chính, kế toán và tín dụng. Nhiệm vụ chính của phòng là kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế và tài chính của công ty, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần. Bên cạnh đó, phòng này cũng đảm bảo việc quản lý dòng tiền hiệu quả, góp phần ổn định hoạt động tài chính.

Hành chính – Tổng hợp là đơn vị phụ trách công tác tổ chức, quản lý hành chính và lao động tiền lương. Phòng này đảm bảo mọi hoạt động hành chính, công nghệ thông tin và quản lý nhân sự diễn ra mạch lạc, đồng thời hỗ trợ công ty duy trì hệ thống vận hành hiệu quả.

Phòng Kế hoạch – Dự án chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư và quản lý dự án. Ngoài ra, phòng này đảm nhận vai trò lập và triển khai các kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án quan trọng của công ty. Phòng cũng quản lý hợp đồng và chi phí, đảm bảo các dự án được thực hiện đúng tiến độ và ngân sách.

Phòng Kinh doanh là đầu mối xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty. Nhiệm vụ bao gồm tìm kiếm khách hàng mới, phát triển thị trường, quản lý và chăm sóc khách hàng hiện tại. Đồng thời, phòng nghiên cứu xu hướng thị trường để đề xuất và phát triển các sản phẩm, công nghệ mới. Các hoạt động như xây dựng phương án chào hàng, lập dự toán công trình và báo cáo định kỳ cũng là trách nhiệm của phòng này.

Phòng Kỹ thuật tập trung vào nghiên cứu, thiết kế và phát triển công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng. Phòng cũng đảm nhiệm việc tổ chức sản xuất, giám sát chất lượng các sản phẩm và dự án. Ngoài ra, các hoạt động như bảo dưỡng, bảo trì sản phẩm và xử lý phản hồi của khách hàng được thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng

dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.

Phòng Nghiên cứu và Phát triển (R&D) đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và cải tiến công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất. Các hoạt động của phòng bao gồm phát triển sản phẩm mới theo định hướng thị trường và yêu cầu của khách hàng, đồng thời cải tiến các công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm.

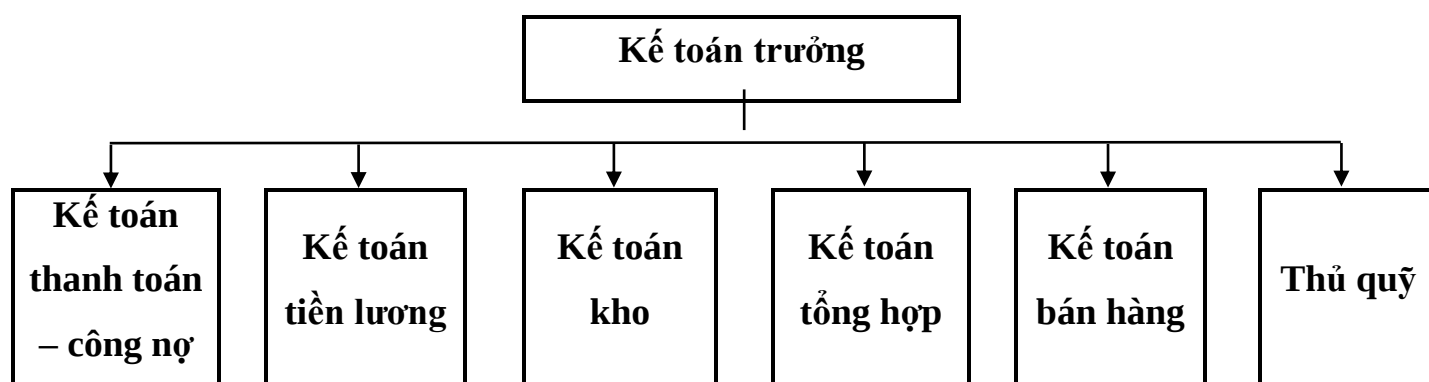
Xưởng sản xuất chịu trách nhiệm triển khai sản xuất và chế tạo sản phẩm theo yêu cầu. Đồng thời, xưởng thực hiện thi công, lắp đặt, vận hành và chuyển giao công nghệ cho các công trình, dự án. Xưởng cũng phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác trong công ty để đảm bảo quy trình sản xuất và vận hành đạt hiệu quả cao nhất.

2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

2.1.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm cơ cấu kinh doanh của công ty và phù hợp với yêu cầu quản lý, bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung. Phòng kế toán thực hiện công việc dưới sự chỉ đạo chuyên môn trực tiếp của kế toán trưởng và sự quản lý chặt chẽ của giám đốc công ty. Các cá nhân trong phòng kế toán hỗ trợ và tích cực hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ được giao của cấp trên. Phòng kế toán có nhiệm vụ theo dõi, tổ chức, hạch toán kế toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổng hợp lên báo cáo toàn công ty.

Bộ máy kế toán của công ty được khái quát bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

(Trích từ phòng kế toán Công ty)

Chức năng, nhiệm vụ của từng phân hành kế toán như sau:

Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ giám sát, tổ chức công tác kế toán tài chính thống kê

và bộ máy kế toán công tác phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị để đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kế toán trưởng phụ trách chung và phải chịu trách nhiệm trước công ty, các cơ quan cấp trên và pháp luật về công việc thuộc về trách nhiệm và quyền hạn của mình, lập kế hoạch tài chính với Nhà nước, là người trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với giám đốc, giúp giám đốc tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tham gia đóng góp ý kiến với giám đốc để có biện pháp đầu tư hiệu quả.

Kế toán thanh toán – công nợ: Theo dõi các khoản nợ của công ty bao gồm: nợ phải thu khách hàng và phải trả nhà cung cấp của công ty. Định kỳ đối chiếu công nợ, lập bảng kê công nợ để nộp cho kế toán trưởng. Theo dõi và kiểm soát chặt chẽ nhằm phục vụ cho việc cung cấp thông tin khách hàng vào bảng theo dõi hợp đồng kinh tế đã bán ra.

Kế toán tiền lương: Tính ra tiền lương, hạch toán tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ nhân viên công ty. Theo dõi việc trích nộp, chi trả bảo hiểm xã hội của người lao động theo chế độ thu chi bảo hiểm xã hội hiện hành. Thực hiện công việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh kịp thời, đầy đủ các số liệu về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian kết quả lao động.

Kế toán kho:

– Ghi chép, theo dõi tình hình nhập, xuất đồng thời đảm bảo số hàng tồn trong kho theo quy định của doanh nghiệp để kịp thời đáp ứng hoạt động sản xuất.

– Đánh giá tình hình hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách làm việc thường xuyên với những kế toán viên quản lý hoạt động khác để thu thập thông tin.

– Thực hiện công việc một cách chính xác bao gồm những phương pháp hạch toán vật liệu, các nguyên tắc, thủ tục nhập, xuất kho vật liệu.

– Giám sát hàng hóa, kiểm tra số liệu thực tế với số lượng tồn thường xuyên để tránh thất thoát.

– Kiểm tra hàng hóa để kịp thời xử lý số lượng thừa, thiếu vật liệu, loại bỏ và đổi trả những vật liệu kém chất lượng để đảm bảo hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp hiệu quả nhất.

– Thực hiện lập báo cáo kế toán về vật liệu để thông tin cho quản lý nắm rõ tình hình vật liệu.

Kế toán bán hàng:

- Ghi chép những thông tin ghi nhận hóa đơn hàng ngày. Kiểm tra đơn giá sản phẩm, số lượng sản phẩm từ đó xuất hóa đơn cho khách hàng.
- Kiểm tra và giám sát các kế toán thực hiện bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối hàng bán.
- Cập nhật giá cả và sản phẩm mới cho doanh nghiệp.
- Lập các bảng kê hóa đơn bán hàng, doanh thu và thuế GTGT vào cuối ngày.
- Tính toán một cách chính xác tổng doanh thu, đơn giá, thuế GTGT của từng nhóm hàng và theo đơn vị để tiện cho việc quản lý kiểm tra hàng.

Kế toán tổng hợp:

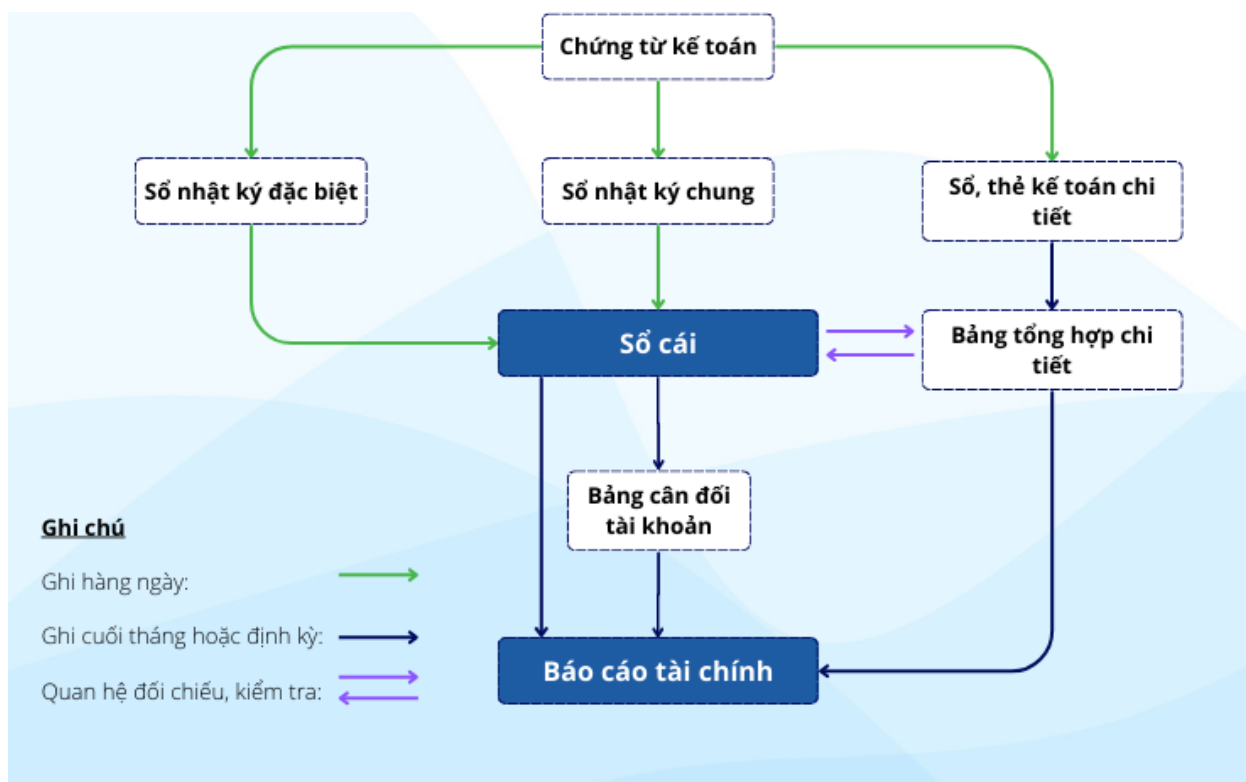
- Thu thập, lưu trữ, xử lý các dữ liệu kế toán trên các chứng từ kế toán phát sinh. Các hóa đơn, chứng từ cần được kiểm tra xâu có hợp lệ để đưa vào sổ sách kế toán hay không.
- Lập các phiếu thu, chi, xuất hàng, nhập kho, hóa đơn bán hàng,.. tại các thời điểm phát sinh nghiệp vụ, tránh chậm trễ dẫn đến việc thiếu sót trong khâu khớp quỹ hay kiểm kê hàng hóa tồn kho hàng ngày,....
- Vào dữ liệu sổ quỹ, sổ tiền gửi và các sổ liên quan khác.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt tại quỹ sau khi kiểm tra và thấy rõ chứng từ đã có đủ điều kiện để thu - chi, hạch toán vào sổ quỹ hàng ngày, đối chiếu báo cáo quỹ với kế toán thanh toán - công nợ để đảm bảo chính xác về các khoản tiền. Lập bảng kiểm kê quỹ vào cuối tháng theo quy định của pháp luật. Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp.

2.1.5.2 .Hình thức kế toán

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh và đặc điểm quản lý, hiện nay Công ty Cổ Phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì đang áp dụng hình thức sổ kế toán “ Sổ nhật ký chung”

Với hình thức sổ nhật ký chung mà công ty đang áp dụng ,hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra (các P XK,PNK,PC,PT...) kế toán vào sổ nhật ký chung như sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

2.1.5.3. Chính sách kế toán

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 bởi Bộ Tài Chính. Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/11 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt Nam (VNĐ).

2.1.5.4 Phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Phương pháp tính giá thực tế hàng tồn kho: Tính theo trị giá gốc (giá thực tế).

Giá nhập: Gồm giá mua ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không bao gồm thuế đầu vào, cộng thêm chi phí vận chuyển, lưu bãi, lưu kho (nếu có).

Giá xuất kho: Xác định theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

Khấu hao tài sản cố định: Áp dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao được thực hiện phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. **Phương pháp xác định hàng tồn kho cuối kỳ:** Bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp nộp thuế GTGT

Công ty áp dụng phương pháp khấu trừ để kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT).

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu tại công ty

2.2.1 Kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì

Tại công ty sử dụng các tài khoản:

TK 152- Nguyên liệu vật liệu;

TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang;

TK 155 - Thành phẩm;

TK 156 - Hàng hóa.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Biên bản kiểm nghiệm hàng hóa
- Hóa đơn GTGT (01GTKT0/001)
- Hóa đơn bán hàng

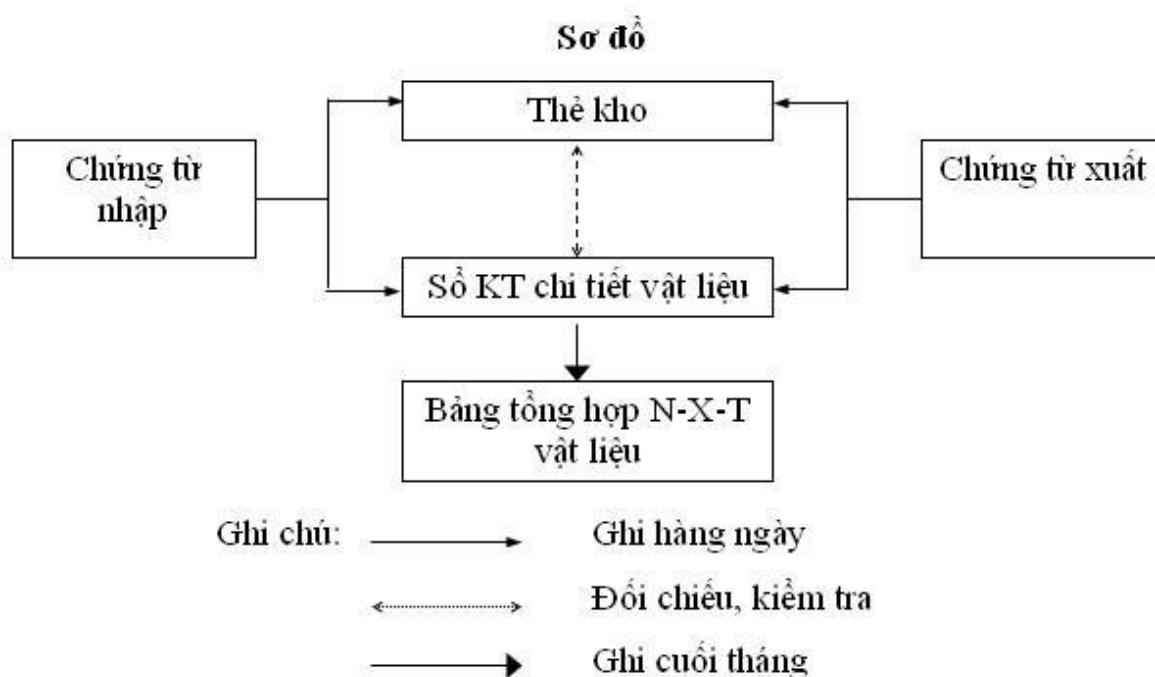
2.2.1.2 Sổ sách kế toán sử dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Vì vậy các sổ mà công ty sử dụng gồm:

- Chứng từ ghi sổ tài khoản 152
- Sổ cái tài khoản 152
- Sổ chi tiết tài khoản 152

2.2.1.3 Quy trình hạch toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu tại Công ty

Quy trình hạch toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì được thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 2.4 :Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì)

Ví dụ minh họa về công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty

Nghiệp vụ 1: Nhập kho ngày 20/11/2023

Thông tin nhập kho: Ngày: 20/11/2023 nhập sữa tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nam Đô, số lượng nhập: 503,80 lít sữa tươi chưa tiệt trùng theo hóa đơn số (0000150) (biểu 1) công ty chưa thanh toán tiền hàng. Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản giao nhận (biểu 2), kế toán lập Phiếu nhập kho số NK1702/005

- Giá trị nhập: 100.072.313 VNĐ (chưa VAT)
- VAT 8%: 8.005.785 VNĐ
- Tổng giá trị (gồm VAT): 108.078.098 VNĐ

Bút toán:

Nợ 152: 100.072.313 VNĐ

Nợ 133: 8.005.785 VNĐ

Có 331: 108.078.098 VNĐ

Căn cứ vào HĐ 0000150, kế toán sau ghi phiếu nhập kho, kế toán ghi chép vào sổ chứng từ ghi sổ, tiếp theo kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152, đồng thời ghi vào

sổ chi tiết tài khoản 152.

Biểu 1: Hóa đơn GTGT số 0000150

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VATINVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 20 tháng (month) 11 năm (year) 2023	Ký hiệu (Serial): 1C23BVT Số (No.): 0000150			
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NAM ĐỒ Mã số thuế (Tax code): 100741521000 Địa chỉ (Address): Xóm Đình, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại (Tel): 0904245863 Số tài khoản (Account No.): 9966996666 Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Tây Hà Nội					
Họ tên người mua hàng (Customer's name): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ Mã số thuế (Tax code): 0107929108 Địa chỉ (Address): Số nhà IK706, Lô 16 đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Số tài khoản (Account No.): Ngân hàng (Bank): Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Ghi chú (Note):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
a	b	c	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
1	Sữa bò TL 11	lít	503.8	198.635	100.072.313
Cộng tiền hàng (Total amount):					100.072.313
Thuế GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount):
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					108.078.098
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm lẻ tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn không trăm chín tám đồng.					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NAM ĐỒ Ký ngày 20/11/2023		
Đơn vị cung cấp dịch vụ/Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109104 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: Y0MB8J3BMMPICEF. Mã của cơ quan thuế: 006313659D2B2F4AF2AD0B91C54F1A9DAA					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Biểu 2: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu sữa bò TL11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Công ty Cổ phần sữa nông trại xanh Ba Vì, chúng tôi gồm:

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nam Đô

Mã số thuế: 0107324423

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần sữa nông trại xanh Ba Vì

Mã số thuế: 0107929108

Địa chỉ: Số nhà IK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Quy cách	Ghi chú
1	Sữa bò TL11	lít	503,8	Đạt	

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Biểu 3: Phiếu nhập kho nguyên vật liệu sữa bò TL11

Phiếu nhập kho số NK1702/005

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên
Nghĩa,
quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo TT số
133/2014/TT-BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 11 năm 2023

Nợ: 152

Số: NK1702/005

Có: 331

Họ và tên người giao:

Theo hóa đơn số 0000150 ngày 20 ngày 11 năm 2023 của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nam Đô

Nhập tại kho: Nguyên vật liệu

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sữa bò TL11	TL11	lít	503,80	503,80	198.635	100.072.313
	Cộng						100.072.313

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng.

Sổ chứng từ kế toán gốc kèm theo: Hóa đơn số 0000150

Ngày 20 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Nghiệp vụ 2: Ngày 22/11/2023 công ty nhập thêm 1.000 kg đường SUCROSE của Công ty TNHH Quang Anh (HD520) (biểu 4) . Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản giao nhận (biểu 5), kế toán lập phiếu nhập kho số NK1705/005.

– Giá trị nhập: $1.000 \times 20.000 = 20.000.000$ VNĐ.

– VAT (8%): 1.600.000 VNĐ

=> Tổng giá trị gồm (VAT): 21.600.000 VNĐ

Bút toán

Nợ 152: 20.000.000 VNĐ

Nợ 133: 1.600.000 VNĐ

Có 331: 21.600.000 VNĐ

Căn cứ vào HD 520, kế toán ghi phiếu nhập kho, sau đó kế toán ghi chép vào sổ nhật kí chung, tiếp theo kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152 đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152

Biểu 4: Hóa đơn GTGT số 0000520

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 22 tháng (month) 11 năm (year) 2023	Ký hiệu (Serial): 1C23BVT Số (No.): 0000520			
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH QUANG ANH Mã số thuế (Tax code): 0105024523 Địa chỉ (Address): Số 154 Nguyễn Viết Xuân, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại (Tel): Số tài khoản (Account No.): 100741521000 Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Quân Đội					
Họ tên người mua hàng (Customer's name): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ Mã số thuế (Tax code): 0107929108 Địa chỉ (Address): Số nhà IK706, Lô 16 đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Số tài khoản (Account No.): Ngân hàng (Bank): Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Ghi chú (Note):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
a	b	c	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
1	Đường SUCROSE	kg	1.000	20.000	20.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					20.000.000
Thuế GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount):
					1.600.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					21.600.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH QUANG ANH Ký ngày 22/11/2023		
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://sinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: Y0MB8J3BMMPICEF. Mã của cơ quan thuế: 006313659D2B2F4AF2AD0B91C54F1A9DAA					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2023 tại **Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì**, chúng tôi gồm:

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Quang Anh

Mã số thuế: 0105024523

Địa chỉ: Số 154 Nguyễn Viết Xuân, Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Sữa Nông trại xanh Ba Vì

Mã số thuế: 0107929108

Địa chỉ Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Quy cách	Ghi chú
01	ĐƯỜNG SUCROSE	Kg	1.000	Đạt yêu cầu	

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 5: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu đường Sucrose

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Biểu 6: Phiếu nhập kho số NK1705/005

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa,
quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo TT số
133/2014/TT-BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 22 tháng 11 năm 2023
Số: NK1705/005

Nợ: 152
Có: 331

Họ và tên người giao:

Theo hóa đơn số 0000520 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Công ty TNHH Quang Anh

Nhập tại kho: Nguyên vật liệu

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	ĐƯỜNG SUCROSE		KG	1.000	1.000	20.000	20.000.000
	Cộng						20.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm triệu đồng chẵn.

Sổ chứng từ kế toán gốc kèm theo: Hóa đơn số 520

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Nghiệp vụ 3: Ngày 22/11/2023, xuất 595,55 lít sữa cấp vật tư để sản xuất theo PX1702/008

Bút toán

Nợ TK 152: 118.297.074

Có TK 154: 118.297.074

Căn cứ vào phiếu xuất kho 1702/008, kế toán ghi chép vào sổ nhật ký chung, tiếp theo kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152,154 đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152,154

Biểu 7: Giấy đề nghị cấp vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẠI XANH BA VÌ Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất
- Yêu cầu cấp vật tư để cung cấp cho bộ phận sản xuất.

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị Tính	Số Lượng	Ghi Chú
1	Sữa bò TL11	lít	595,55	Dùng cho sản xuất
TỔNG			595,55	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng ban
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì)

Biểu 8: Phiếu xuất kho số 1702/008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa,
quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo TT số
133/2014/TT-BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 11 năm 2023

Nợ: 152

Số: XK1702/008

Có: 331

Họ và tên người giao: Nguyễn Quang Hiếu

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sữa bò TL11	TL11	lít	595,55	595,55	198.635	118.297.074
	Cộng				595,55		118.297.074

Ngày 20 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Cách tính đơn giá sữa bò TL11

Số lượng đầu kỳ: 461 lít . đơn giá hàng tồn: 198.635

Ngày 03/11 Nhập kho 964.8 lít . Đơn giá nhập kho 198.635

Đơn giá xuất kho sữa bò TL11

$$\begin{aligned} &= \frac{(461 \times 198.635) + (964.8 \times 198.635)}{461 + 964.8} \\ &= 198.635 / \text{lít} \end{aligned}$$

Nghiệp vụ 4: Ngày 28/11/2023, xuất 2.000kg đường SUCROSE để cấp vật tư để sản xuất theo XK1711/008

Căn cứ vào phiếu xuất kho 1711/008, kế toán ghi chép vào sổ chứng từ ghi sổ, tiếp theo kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152 và 154, đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152 và 154.

Biểu 9: Giấy đề nghị cấp vật tư

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG
TRẠI XANH BA VÌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2023

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

**Kính gửi: Ban lãnh đạo CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH
BA VÌ**

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất
- Yêu cầu cấp vật tư để cung cấp cho bộ phận sản xuất.

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị Tính	Số Lượng	Ghi Chú
1	ĐƯỜNG SUCROSE	Kg	2.000	Dùng cho sản xuất
TỔNG			2.000	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng ban
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 10: Phiếu xuất kho 1711/008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên Nghĩa,
quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mẫu số 01- VT

(Ban hành theo TT số
133/2014/TT-BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

Nợ: 152

Số: XK1711/008

Có: 331

Họ và tên người giao: Nguyễn Quang Hiếu

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu

Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	ĐƯỜNG SUCROSE		KG	2.000	2.000	20.000	40.000.000
	Cộng				2.000		40.000.000

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Cách tính đơn giá đường Sucrose

Số lượng đầu kỳ: 350kg . đơn giá hàng tồn kho: 20.000

Ngày 03/11 Nhập kho 600kg đường . Đơn giá nhập kho 20.000

Đơn giá xuất kho đường Scurose

$$= \frac{(350 \times 20.000) + (600 \times 20.000)}{(350 + 600)} = 20.000 / \text{lít}$$

Biểu 11: Thẻ kho NVL sữa bò TL11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà IK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số S12-DN
(Ban hành theo TT số 133/2014/TT-BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/11/2023

Tờ số: 11

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sữa bò TL11

Đơn vị tính: lít

Mã số: STL11

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu kỳ				461,00	
1	03/11	NK1702/005		Mua NVL nhập kho	03/11	503.8		964.8	
2	07/11	XK1702/002		Xuất kho NVL sản xuất	07/11		108.32	856.48	
3	12/11	XK1702/008		Xuất kho NVL sản xuất	12/11		352.68	503.8	
4	22/11	XK1702/008		Xuất kho NVL	22/11		595,55	369.25	
									
				Cộng cuối kỳ		1.429,27	1.220,77	669,5	

Số này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: ...

Ngày ...30 tháng 11... năm 2023

Biểu 12 Thẻ kho NVL đường

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà IK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận
Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số S12 -DN
 (Ban hành theo TT số 133/2014/TT-BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/11/2023

Tờ số: 11

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: ĐƯỜNG SUCROSE

Đơn vị tính: kg

Mã số: ĐƯỜNG SUCROSE

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu kỳ				350	
1	03/11	NK1702/004		Mua NVL nhập kho	03/11	600		950	
2	07/11	XK1702/006		Xuất kho NVL sản xuất	07/11		100	850	
3	12/11	XK1702/008		Xuất kho NVL sản xuất	12/11		200	650	
4	15/11	NK1702/005		Mua NVL nhập kho	20/11	500		1150	
5	22/11	NK1705/005		Mua NVL nhập kho	22/11	1.000		2150	
6	28/11	XK1711/008		Xuất kho NVL sản xuất	28/11		2.000	150	
				Cộng cuối kì		2.100	2.300	150	

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm 2023

Biểu 13: Sổ chi tiết vật liệu sữa bò TL11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà IK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận
Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số S10 -DN
 (Ban hành theo TT số 133/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 11 năm 2023

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Sữa bò TL11

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=(1x2)	4	5=(1x4)	6	7=(1x6)	8
		Dư đầu kỳ		198.635					461	130.918.200	
NK1702 /005	03/11	Mua NVL nhập kho	331	198.635	503,8	100.072.313			964.8	230.990.513	
XK1702 /007	07/11	Xuất kho NVL	154	198.635			108,32	21.405.332	856.48	209.585.181	
XK1702 /008	12/11	Xuất kho NVL	154	198.635			352,68	69.919.515	503.8	139.665.666	
XK1702 /009	22/11	Xuất kho NVL	154	198.635			595,55	118.297.074	369.25	112.939.327	
.....											
.....				...	...	...					
		Cộng tháng			1.429,27	283.903.046	1.220,77	242.487.649	669,5	172.333.597	

Biểu 14: Sổ chi tiết vật liệu đường

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ
Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà
Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo TT số 133/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 11 năm 2023

Tài khoản: 152

Tên, quy cách nguyên liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): ĐƯỜNG SUCROSE

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=(1x2)	4	5=(1x4)	6	7=(1x6)	8
		Số dư đầu kỳ							350	70.000.000	
NK1702 /004	03/11	Mua NVL nhập kho	331	20.000	600	12.000.000			950	19.000.000	
XK1702 /005	07/11	Xuất kho NVL	154	20.000			100	2.000.000	850	17.000.000	
XK1702 /006	12/11	Xuất kho NVL	154	20.000			200	4.000.000	650	13.000.000	
NK1702 /007	15/11	Mua NVL nhập kho	112	20.000	500	10.000.000			1150	23.000.000	
NK1705 /005	22/11	Mua NVL nhập kho	154	20.000	1.000	20.000.000			2150	43.000.000	
XK1711	28/11	Xuất kho NVL	154	20.000			2.000	40.000.000	150	3.000.000	

/008											
		Cộng tháng			2.100	42.000.000	2.300	46.000.000	150	3.000.000	

Biểu 15 Sổ tổng hợp nhập, xuất, tồn

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ

Địa chỉ: Số nhà IK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT, TỒN VẬT TƯ

Số hiệu tài khoản: 152

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

STT	Mã số	Tên vật tư, hàng hóa	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành Tiền
1	ĐƯỜNG SUCROSE	ĐƯỜNG SUCROSE	Kg	350	70.000.000	2.100	42.000.000	2.300	46.000.000	150	3.000.000
2	Glucose	Đường Glucose	Kg	71.000	96.276.000	37.890	50.772.600	57.690	77.906.454	51.200	69.142.146
3	SỮA BÒ TL11 - 0.11	SỮA BÒ TL11 mã 0.11	Kg	461	130.918.200	1.429.27	283.903.046	1.220,77	242.487.649	669,5	172.333.597
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
TỔNG CỘNG:					405.394.360		1.586.665.087		1.546.623.217		445.436.230

Biểu 16 Sổ Nhật kí chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA NÔNG TRẠI
XANH BA VÌ**

Mẫu số S10-DN

**Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B,
phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội**

(Ban hành theo TT số 133/TT-BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Trích sổ nhật ký chung tháng 11/2023

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		1			
								
20/11	NK1702/005	20/11	NK Sữa bò TL11 2 0.11mm của công ty TNHH Nam Đô	x	15	152	100.072.313	
	HĐ0000150			x	16	133	8.005.785	
				x	17	331		108.078.098
21/11	UNC1702/084	21/11	CK thanh toán tiền cho công ty Nam Đô	x	21	331	108.078.098	
				x	22	112		108.078.098
21/11	CT1702/069	21/11	Chi phí chuyển tiền là 22.000đ	x	23	642	22.000	
				x	24	112		22.000
22/11	XK1702/008	22/11	Xuất kho Sữa bò TL11 0.11mm cho sản xuất	x	25	154	118.051.186	
				x	26	152		118.297.074

22/11	NK1705/005	22/11	Nhập kho Đường Gucoser	x	27	152	20.000.000	
	HD520			x	28	133	1.600.000	
				x	29	331		21.600.000
28/11	XK1711/008	28/11	Xuất kho sản xuất	x	30	154	40.000.000	
				x	31	152		40.000.000
			Cộng chuyển sang trang sau				5.578.125.627	5.578.125.627

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ ...

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 17: Sổ cái TK 152

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ

Mẫu số S10-DN

Số nhà LK706, lô 16, đất dịch vụ khu B, phường Yên

(Ban hành theo TT số 133/TT-BTC)

Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội

SỔ CÁI

Tháng 11 năm 2023

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong tháng				405.394.360	
06/11	NK1702/004	06/11	Mua NVL nhập kho			331	46.718.312	
								
20/11	NK1702/005	20/11	Mua NVL nhập kho			331	100.072.313	
22/11	NK1705/005	22/11	Nhập kho NVL sản xuất			331	20.000.000	
22/11	XK1702/008	22/11	Xuất kho NVL sản xuất			154		118.297.074
28/11	XK1711/008	28/11	Xuất kho NVL sản xuất			154		40.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh trong tháng				1.586.665.087	1.546.623.217
			Số dư cuối tháng				445.436.230	

Sổ này có ... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sổ này có ... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP SỮA NÔNG TRẠI XANH BA VÌ

3.1 . Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP Sữa Nông trại xanh Ba Vì

3.1.1. Ưu điểm

➤ Tổ chức quản lý kinh doanh Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, gọn nhẹ phù hợp với quy mô của công ty nên công việc kế toán luôn đảm bảo tính thống nhất chính xác và kịp thời. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được làm chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hoá sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo.

➤ Tổ chức công tác kế toán

Về sổ sách kế toán: Các sổ sách dùng theo đúng mẫu của nhà nước được ghi chép rõ ràng cụ thể. Ngoài ra, còn được sự quản lý chặt chẽ của kế toán trưởng. Vì vậy, có thể phát hiện được sai sót một cách kịp thời từ đó có biện pháp xử lý cụ thể.

Về cách lập và thời gian báo cáo kế toán: Kế toán kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các tài khoản các sổ sách kế toán có liên quan giữa sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp. Công tác lập báo cáo vào cuối quý, năm được kế toán tiến hành đầy đủ và nộp cho các cơ quan tài chính theo quy định.

Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu tương đối đầy đủ, hợp lý và phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ngoài ra, còn phù hợp với chế độ quy định của bộ tài chính.

Hiện nay, tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại doanh nghiệp được tiến hành theo phương pháp thẻ song song, phương pháp này dùng để đối chiếu kiểm tra.

Hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng tại doanh nghiệp là hình thức chứng từ ghi sổ là hình thức phổ biến dễ sử dụng, phù hợp với quy mô sản xuất của doanh nghiệp.

Chứng từ tại công ty được lưu giữ cẩn thận, nội dung các chứng từ được ghi chép

thường xuyên, liên tục, rõ ràng, đầy đủ, không chồng chéo. Thuận lợi cho việc kiểm tra. Thông qua các chứng từ như: Hóa đơn GTGT, PNK, P XK... và các loại sổ sách đã phản ánh đúng thực trạng biên động NVL tại Công ty.

Bộ máy quản lý cũng như bộ máy kế toán tại công ty có mối quan hệ chặt chẽ với nhau từ trên xuống dưới. Thuận tiện trong việc quản lý, giám sát của ban lãnh đạo công ty.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm và nhiệt tình trong công việc. Các nhân viên được phân công đúng người đúng việc đã phát huy được năng lực của từng nhân viên.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho lãnh đạo đưa ra được những quyết định cụ thể về hoạt động quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, cụ thể:

➤ Về ban kiểm nghiệm vật tư:

Công ty chưa có thành lập ban kiểm nghiệm vật tư trước khi nhập kho. Hàng hóa mua về chưa có sự kiểm tra chặt chẽ về chất lượng, quy cách đã được cho nhập kho.

➤ Về việc luân chuyển chứng từ:

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển phiếu xuất từ phân xưởng đến kho và từ kho lên phòng kế toán còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng từ tháng này sang tháng khác gây nên tình trạng lộn xộn trong việc sắp xếp và đóng chứng từ.

Việc luân chuyển chứng từ giữa các vị trí như kho, xưởng sản xuất và kế toán thường xuyên diễn ra. Tuy nhiên, giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

➤ Công tác kế toán theo phương pháp thủ công

Việc thực hiện công tác kế toán theo phương pháp thủ công, tức là ghi chép, xử lý và tổng hợp số liệu bằng sổ sách truyền thống hoặc bảng tính đơn giản như Excel, vẫn còn được áp dụng tại một số doanh nghiệp nhỏ hoặc hộ kinh doanh cá thể. Tuy nhiên, phương pháp này tồn tại nhiều hạn chế nhất định. Trước hết, nó dễ dẫn đến sai sót trong quá trình nhập liệu và tính toán. Các lỗi như nhập nhầm số liệu, sai công thức hoặc bỏ sót nghiệp vụ kế toán rất dễ xảy ra và khó phát hiện nếu không có hệ thống kiểm soát tự động như trên phần mềm kế toán.

Bên cạnh đó, kế toán thủ công đòi hỏi nhiều thời gian và công sức để xử lý số liệu, lập báo cáo hay đối chiếu chứng từ, làm giảm hiệu quả công việc, nhất là khi số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn. Khả năng lưu trữ và tra cứu dữ liệu trong phương pháp này cũng gặp nhiều khó khăn, do chứng từ dễ bị thất lạc, hư hỏng và việc tìm kiếm thông tin không thể thực hiện nhanh chóng như trên nền tảng số.

Ngoài ra, tính bảo mật trong kế toán thủ công không cao. Dữ liệu có thể bị truy cập và chỉnh sửa mà không để lại dấu vết, làm giảm tính minh bạch và khả năng kiểm soát nội bộ. Cuối cùng, phương pháp này không phù hợp khi doanh nghiệp mở rộng quy mô, bởi hệ thống thủ công khó đáp ứng được tốc độ xử lý, tính chính xác và yêu cầu quản lý phức tạp của các đơn vị lớn.

3.2. Một số ý kiến và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

3.2.1. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đôn lại hiệu quả, xonq vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, tôi xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

❖ Ý kiến thứ nhất: Thành lập ban kiểm nghiệm vật liệu

Vật liệu mua về trước khi nhập kho cần phải kiểm nhận để xác định số lượng chất lượng và quy cách thực tế vật tư. Do đó Công ty cần phải lập Ban kiểm nghiệm vật liệu bao gồm những người chịu trách nhiệm về vật liệu ở công ty, trong đó người chịu trách nhiệm chính là thủ kho.

Trường hợp chưa có hoá đơn phải căn cứ vào hợp đồng mua bán để kiểm nhận. Trong quá trình kiểm nhận vật liệu nhập kho, nếu phát hiện vật liệu thừa, thiếu hoặc sai quy cách, phẩm chất phải lập biên bản xây dựng rõ nguyên nhân để tiện cho việc xử lý về sau. Nếu vật liệu mua về Công ty nhận đủ số lượng, chất lượng tốt, đúng quy cách thì Ban kiểm nghiệm cũng phải lập biên bản xác nhận.

❖ Ý kiến thứ hai: Lập sổ giao nhận chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký vào sổ giao nhận chứng từ. Từ đó dễ quy trách nhiệm đúng người, đúng bộ phận nếu như xảy ra tình trạng mất chứng từ để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty, tiếp đến là nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Sổ giao nhận có thể xây dựng theo mẫu sau

Biểu 18: Lập sổ giao nhận chứng từ

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng			Người giao	Người nhận

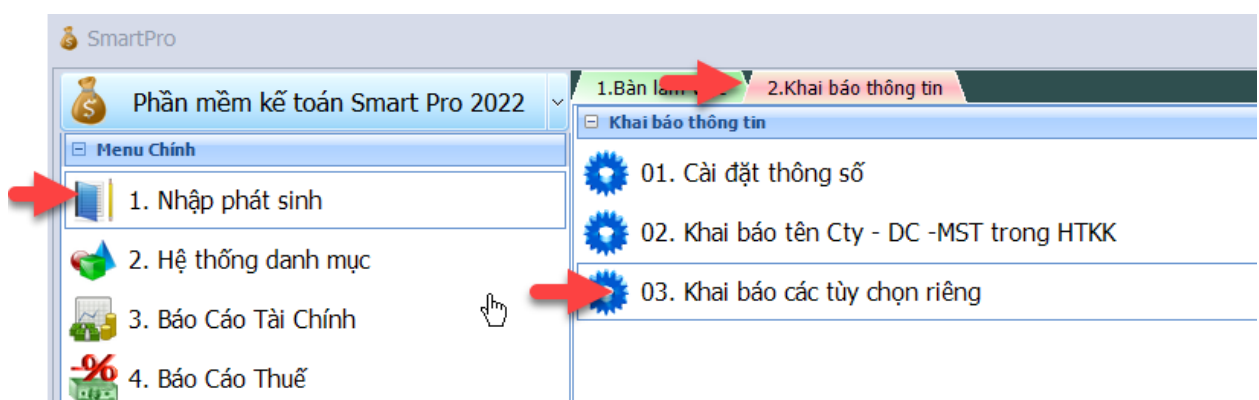
❖ Ý kiến thứ ba: Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán để công ty lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, SMART, VACOM,... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, giúp phòng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học và đạt hiệu quả cao.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi

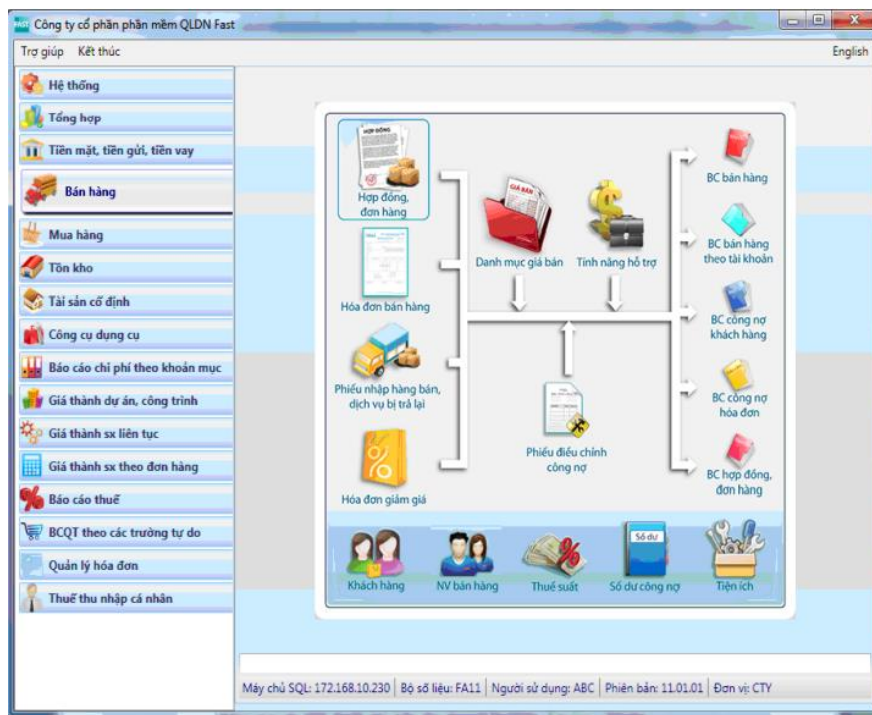
tính để phục vụ công việc kế toán. Đây là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán trong công ty.

- Phần mềm Kế toán SMART: Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất, Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán, Bảng Cân Đối Phát Sinh.... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.



Hình ảnh 3.1: Phần mềm Kế toán SMART

- Phần mềm kế toán Fast Accounting Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 9.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT,...



Hình ảnh 3.2: Phần mềm kế toán Fast Accounting

- Phần mềm MISA SME.NET 2012

Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet



Hình ảnh 3.3: Phần mềm MISA SME.NET 2012

Công ty nên chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì giá thành hợp lý, tính năng cao, giao diện dễ sử dụng và nó đầy đủ các phần hành kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập và xử lý số liệu

3.2.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

- Áp dụng công nghệ số hóa trong quản lý nguyên vật liệu

Công ty có thể triển khai hệ thống quản lý nguyên vật liệu dựa trên nền tảng công nghệ số như phần mềm ERP hoặc hệ thống mã QR, RFID. Việc này giúp tự động hóa quá trình theo dõi nhập – xuất – tồn kho, kiểm soát chính xác số lượng và chất lượng vật tư, đồng thời hỗ trợ ra quyết định kịp thời thông qua báo cáo tức thời và phân tích dữ liệu. Áp dụng số hóa không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn giảm thiểu rủi ro thất thoát, nhầm lẫn và chi phí vận hành.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu

Xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu theo định mức; thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa số liệu tồn kho và thực tế; đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận nhằm phát hiện kịp thời các sai lệch, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý

Công ty nên đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, nhằm hỗ trợ quản lý toàn diện các hoạt động như kế toán, kho vận, sản xuất và tiêu thụ. Hệ thống này cần đảm bảo khả năng kết nối dữ liệu, cập nhật thông tin theo thời gian thực và hỗ trợ phân tích, ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả. Đầu tư vào hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, mạng và bảo mật đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu xử lý dữ liệu ngày càng lớn. Việc áp dụng công nghệ điện toán đám mây cũng là một lựa chọn đáng cân nhắc để tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu và tăng tính linh hoạt trong việc mở rộng hệ thống.

KẾT LUẬN

Một lần nữa tôi có thể khẳng định được kế toán vật liệu có tầm quan trọng trong công tác quản lý kinh tế bởi vì vật liệu chính là một trong ba yếu tố cơ bản không thể thiếu được trong quá trình sản xuất ở bất kỳ một đơn vị sản xuất kinh doanh nào. Kế toán vật liệu giúp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh theo dõi được chặt chẽ về số lượng, chất lượng, chủng loại giá trị vật liệu nhập xuất trong kho từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho đơn vị mình.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì do thời gian có hạn nên báo cáo thực tập này mới chỉ đi vào nghiên cứu 1 số vấn đề chủ yếu về cơ sở lý luận của công tác kế toán nguyên vật liệu nói chung của các đơn vị sản xuất và đi vào thực tế quản lý, hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì

- Về mặt lý luận: Tôi đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán vật liệu, từ đó có thể vận dụng thích hợp với từng doanh nghiệp cụ thể.

- Về mặt thực tế: Trên cơ sở khái quát thực trạng công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sữa Nông trại Xanh Ba Vì, tôi đã đề xuất một số ý kiến cơ bản cũng như các biện pháp có thể nhằm đổi mới và hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng cũng như công tác hạch toán kế toán nói chung. Các ý kiến đề xuất trong bản báo cáo thực tập này có những vấn đề thực hiện dần từng bước qua thời gian thực tập tại Công ty, tôi thấy công ty đã cố gắng tận dụng một cách tốt nhất chế độ kế toán mới và luôn muốn hoàn thiện bộ máy kế toán của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như đã trình bày, nhưng tôi tin rằng với khả năng sẵn có và những cố gắng của công ty trong thời gian tới, những vấn đề còn tồn tại sẽ được giải quyết, công ty quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện hơn, phục vụ đắc lực cho quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Trong thời gian thực tập ngắn ngủi, do hiểu biết của bản thân còn hạn chế nên tôi không thể tránh những sai sót. Vì vậy kính mong sự chỉ bảo và hướng dẫn tận tình của giảng viên cũng như các anh /chị trong phòng kế toán của Công ty.

Tôi xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty, các anh chị phòng kế toán và giảng viên Ths Phạm Thị Nga đã nhiệt tình giúp đỡ tôi hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 10 tháng 05 năm 2025

Sinh viên thực hiện

Trương Kiều Oanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sổ sách kế toán Công ty Cổ phần Sữa Nông Trại Xanh Ba Vì tháng 11 năm 2023
2. Thông tư số 133/ 2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính: Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số ký hiệu, 133/2016/TT-BTC. Ngày ban hành 26-08-2016